

Số : **593**/QĐ-UBND

Tuy Phước, ngày **28** tháng 4 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin
trong cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện Tuy Phước năm 2014-2015

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 246/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP cấp ngày 10/04/2007 của Chính phủ quy định về ứng dụng Công nghệ Thông tin trong hoạt động của Cơ quan Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 647/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2012 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt kế hoạch ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước tỉnh Bình Định giai đoạn 2011 – 2015.

Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng Văn hoá và Thông tin huyện tại Tờ trình số 13/TTr-PVHTT ngày 27/3/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện Tuy Phước năm 2014.

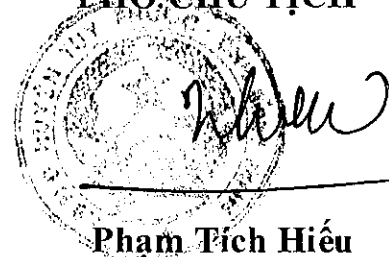
Điều 2. Giao Trưởng phòng Phòng Văn hóa và Thông tin huyện chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này và tổng hợp báo cáo kết quả cho UBND huyện.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND & UBND huyện, Trưởng phòng Phòng Văn hoá – Thông tin, Trưởng phòng Phòng Tài chính – Kế hoạch, Thủ trưởng các phòng, ban có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận :

- UBND tỉnh;
 - Sở Thông tin & TT ;
 - TT Huyện ủy;
 - TT HĐND Huyện;
 - CT, các PCT.UBND huyện;
 - Như Điều 3;
 - Lưu: VT.
- (báo cáo)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Tích Hiếu

KẾ HOẠCH

**Ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước
huyện Tuy Phước giai đoạn 2014 - 2015**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số **593/QĐ-UBND**
ngày **28** tháng 4 năm 2014 của UBND huyện Tuy Phước)*

Phần thứ nhất

TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

I. THỰC TRẠNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (CNTT) TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC HUYỆN TRONG THỜI GIAN QUA

1. Kết quả đạt được

1.1. Về hạ tầng CNTT

Hiện tại toàn huyện có 12 phòng, ban chuyên môn đã xây dựng hệ thống mạng nội bộ trong đó có 10 phòng, ban chuyên môn hiện đang dùng chung hạ tầng mạng LAN với Văn phòng HĐND và UBND huyện.

Hiện tại, hầu hết máy tính tại Văn phòng HĐND & UBND và các phòng, ban tại trụ sở UBND huyện đều được kết nối mạng Internet bằng đường truyền cáp quang. Kết nối Internet trực tiếp thông qua Gateway và Firewall để kiểm soát truy cập mạng và hạn chế tấn công của các hacker bên ngoài hệ thống, khai thác, trao đổi thông tin giữa UBND huyện và các đơn vị được nhanh chóng, đồng thời dễ dàng triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin qua mạng.

UBND huyện đã trang bị máy vi tính cho các phòng, ban thực hiện công tác chuyên môn nghiệp vụ. Hầu hết số máy tính trên có cấu hình tương đối tốt, được cài đặt hệ điều hành Windows XP đã cũ không còn được Microsoft hỗ trợ, đến nay tỷ lệ cán bộ, công chức (CBCC) có máy tính sử dụng đạt 97,7% (có phụ lục 1 kèm theo).

1.2. Về ứng dụng CNTT

Công tác ứng dụng CNTT của các cơ quan trong thời gian qua đã có tác động tích cực, từng bước góp phần làm thay đổi thói quen và lề lối làm việc cũ, chuyển dần sang phong cách làm việc mới.

Năm 2012, UBND huyện phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bình Định tiến hành rà soát và tạo lập tài khoản hệ thống thư điện tử cho CBCC và phòng, ban với tên miền <http://mail.tuyphuoc.binhdingh.gov.vn>. Đến nay, tổng số tài khoản hệ thống thư điện tử công vụ được lập là 190 tài khoản. Trong năm 2013 được UBND tỉnh hỗ trợ kinh phí triển khai xây dựng hệ thống quản trị người dùng, phần mềm quản lý văn bản và điều hành qua mạng tại Văn phòng HĐND & UBND

và các phòng, ban của huyện (với 20 tài khoản người dùng và đào tạo hướng dẫn sử dụng).

UBND huyện đã xây dựng xong trang thông tin điện tử tại địa chỉ: <http://tuyphuoc.binhdinhh.gov.vn>, việc cập nhật thông tin được tiến hành thường xuyên, các chuyên mục hoạt động có hiệu quả, đã kịp thời đưa thông tin về kinh tế, chính trị, xã hội ở địa phương tới người dân một cách nhanh chóng.

Bước đầu tiến hành triển khai xây dựng hệ thống văn phòng điện tử Idesk tại Văn phòng HĐND và UBND huyện.

1.3. Về nguồn nhân lực CNTT

Đa số cán bộ lãnh đạo, chuyên viên đều nắm được các thao tác cơ bản về máy tính, đều được học qua các lớp về tin học văn phòng, tin học A,B... Bên cạnh việc đào tạo về tin học cơ bản, công tác tập huấn, đào tạo chuyên sâu cho đội ngũ CBCC làm nhiệm vụ quản trị mạng tại các cơ quan, đơn vị được quan tâm, hàng năm đều cử cán bộ phụ trách CNTT tham gia các lớp tập huấn, đào tạo chuyên sâu về CNTT do Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức.

Hiện có 01 cán bộ làm công tác CNTT tại phòng Văn hóa và Thông tin huyện, 01 cán bộ kiêm nhiệm tại Văn phòng HĐND&UBND huyện.

2. Những hạn chế, tồn tại

- Xây dựng hệ thống văn phòng điện tử tại huyện chậm, hiện tại Văn phòng HĐND và UBND huyện chỉ mới tiếp nhận văn bản đến qua phần mềm, chưa triển khai thực hiện ban hành văn bản đi và chưa xử lý văn bản qua môi trường mạng.

- Nhận thức của lãnh đạo một số phòng, ban ngành, địa phương và một bộ phận CBCC về vai trò của ứng dụng CNTT trong công việc còn hạn chế. Số lượng cán bộ chuyên ngành CNTT còn thiếu.

- Việc trang bị thiết bị CNTT để đảm bảo sẵn sàng ứng dụng CNTT chưa được thực hiện đầy đủ, vẫn còn nhiều máy tính cũ, cấu hình thấp không đáp ứng để triển khai văn phòng điện tử và các phần mềm khác nên gây khá nhiều khó khăn cho công việc hằng ngày.

3. Nguyên nhân của hạn chế, tồn tại

- Việc ứng dụng CNTT chưa gắn với sự phát triển kinh tế - xã hội, với cải cách hành chính của huyện, chưa phát huy vai trò động lực của CNTT.

- Chưa chủ động việc xây dựng các quy hoạch, kế hoạch cụ thể để phát triển ứng dụng CNTT trong từng lĩnh vực.

- Chưa có cơ chế để thu hút nguồn nhân lực CNTT phục vụ tại địa phương.

Phần thứ hai

ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN CNTT TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC HUYỆN GIAI ĐOẠN 2014 – 2015

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU ỨNG DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN CNTT

1. Quan điểm



- Ứng dụng công nghệ thông tin để nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động, phục vụ nhân dân và doanh nghiệp trên địa bàn huyện.

- Ứng dụng công nghệ thông tin hướng tới Chính phủ điện tử phải thúc đẩy, gắn liền với quá trình cải cách hành chính và là một nội dung của cải cách hành chính.

- Ưu tiên kinh phí đầu tư cho ứng dụng, phát triển và hiện đại hoá cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng, Nhà nước của huyện.

- Tập trung phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin; phổ cập và nâng cao kỹ năng ứng dụng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan của huyện, tăng nhanh tỷ lệ nhân lực CNTT có trình độ cao.

2. Mục tiêu:

a. Mục tiêu tổng quát:

- Tiếp tục xây dựng nền tảng hệ thống hạ tầng trang thiết bị, hệ thống thông tin tổng thể, hệ thống cơ sở dữ liệu tích hợp phục vụ yêu cầu điều hành của lãnh đạo, nhu cầu kết nối, trao đổi, chia sẻ và tích hợp thông tin của các đơn vị và CBCC, đảm bảo các công việc được xử lý nhanh chóng, đầy đủ, chính xác và đa dạng, góp phần nâng cao hiệu quả công tác.

- Xây dựng và tin học hóa hệ thống quy trình, quy phạm giải quyết công việc của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước trên địa bàn huyện trên cơ sở tiến trình cải cách hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước, đơn giản hoá các thủ tục hành chính, giảm bớt các khâu trung gian, rút ngắn thời gian giải quyết công việc, tạo cơ sở cung cấp các dịch vụ công rộng rãi đến mọi người dân thông qua hệ thống thông tin một cách tốt nhất, nhanh nhất, thuận tiện, chính xác.

b. Mục tiêu cụ thể

+ Năm 2014:

- Xây dựng hoàn chỉnh và đưa vào sử dụng hệ thống văn phòng điện tử tại huyện, đảm bảo 100% các phòng, ban triển khai sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành qua mạng.

- 80% CBCC cấp huyện sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ trong giao dịch công tác.

- Đảm bảo 90% văn bản của huyện được lưu chuyển dưới dạng văn bản điện tử qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp.

- Đảm bảo 100% các phòng, ban cấp huyện được kết nối vào mạng nội bộ và kết nối Internet bằng đường truyền cáp quang.

- Trang bị máy vi tính cho CBCC các phòng, ban của huyện, phấn đấu CBCC cấp huyện có máy tính để sử dụng đạt tỷ lệ 100%.

- Các xã, thị trấn trên địa bàn 100% kết nối Internet.

- Triển khai phần mềm quản lý cán bộ công chức.

+ Năm 2015:

- Nâng cấp thiết bị bảo mật dữ liệu và hệ thống máy chủ để triển khai một cửa điện tử và các phần mềm chuyên môn của các phòng ban.

- Triển khai xây dựng hạ tầng mạng, mua sắm trang thiết bị, phần mềm để

triển khai hệ thống một cửa điện tử tại huyện.

- Mua sắm trang bị các phần mềm ứng dụng chuyên môn của các cơ quan, phòng ban (Đăng ký kinh doanh; Chuyển nhượng, tặng, cho, thừa kế quyền sử dụng đất; Giải quyết khiếu nại, tố cáo...).

- Trang bị máy vi tính cho CBCC các phòng, ban của huyện, phấn đấu CBCC cấp huyện có máy tính để sử dụng đạt tỷ lệ 90%.

- Xây dựng hệ thống thư điện tử cho UBND các xã, thị trấn.

- 30% cán bộ, công chức cấp xã sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ trong giao dịch công tác.

- CBCC cấp xã có máy tính để sử dụng đạt tỷ lệ 50%.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nhiệm vụ

1.1. Về hạ tầng CNTT

Duy trì, nâng cấp hạ tầng trang thiết bị CNTT tại trụ sở UBND huyện nhằm đảm bảo hệ thống mạng được duy trì và hoạt động ổn định, bảo mật. Bổ sung, xây dựng, nâng cấp hệ thống mạng LAN từ trụ sở UBND huyện đến các phòng ban còn lại (Phòng Văn hóa và Thông tin; Phòng Tài nguyên và Môi trường) để đảm bảo kết nối mạng phục vụ việc triển khai hệ thống văn phòng điện tử và điều hành tác nghiệp qua mạng.

1.2. Về ứng dụng CNTT

- Nâng cấp trang thông tin điện tử thành một hệ thống thông tin hiện đại để phổ biến một cách đầy đủ, kịp thời thông tin chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của huyện đến mọi tầng lớp nhân dân. Sử dụng các công nghệ hiện đại, đảm bảo việc cung cấp thông tin một cách thuận tiện và tuân thủ, đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật của website theo các quy định Nhà nước.

- Tiếp tục hoàn thiện và đưa vào sử dụng hệ thống văn phòng điện tử tại huyện, đảm bảo 100% các phòng, ban triển khai sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành qua mạng nhằm quản lý văn bản, hồ sơ, công văn và phục vụ điều hành, tác nghiệp trên môi trường mạng.

- Hoàn thiện phần mềm quản lý cán bộ công chức để xây dựng CSDL về đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thuộc huyện

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến cho cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân nắm được các quy định mới của Nhà nước về lĩnh vực CNTT và Truyền thông.

1.3. Về nguồn nhân lực ứng dụng CNTT

- Mở các lớp bồi dưỡng cho lãnh đạo, CBCC đảm bảo sử dụng thành thạo hệ thống văn phòng điện tử để triển khai thực hiện đạt hiệu quả cao.

- Đào tạo và bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực CNTT, bảo đảm có đủ nhân lực CNTT cho nhu cầu ứng dụng và phát triển CNTT tại địa phương; chú trọng nâng cao năng lực CNTT cho lãnh đạo, công chức quản lý và công chức chuyên môn. Đồng thời, cần tuyển dụng cán bộ được đào tạo cơ bản về kiến thức hệ thống và quản trị mạng để tăng cường lĩnh vực này.

2. Giải pháp

2.1. Giải pháp tài chính



- Chủ yếu chi đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước để mua sắm, xây dựng mới trang thiết bị phần cứng, phần mềm và đào tạo, đào tạo lại. Việc duy tu bảo dưỡng, nâng cấp nhỏ, tập huấn ngắn hạn sử dụng nguồn chi thường xuyên. Hàng năm phân bổ vốn để thực hiện kế hoạch.

- Đối với các dịch vụ không mang tính bảo mật cao, có thể thuê dịch vụ ngoài khu vực nhà nước.

- Địa phương ưu tiên đối ứng kinh phí hàng năm để thực hiện tốt kế hoạch đã phê duyệt. Đề nghị tỉnh hỗ trợ một phần vốn sự nghiệp và tranh thủ các nguồn khác như: Chương trình mục tiêu về ứng dụng CNTT trong công tác quản lý Nhà nước của tỉnh.

2.2. Giải pháp triển khai

- Nâng cấp và đầu tư mới trang thiết bị tin học; hạ tầng mạng LAN - kết nối Internet băng thông rộng cho các phòng chuyên môn và UBND các xã, thị trấn trên địa bàn thị huyện.

- Ưu tiên triển khai các ứng dụng phần mềm phục vụ người dân và doanh nghiệp, đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước tiến tới xây dựng một chính quyền điện tử tại địa phương.

- Tăng cường bồi dưỡng kiến thức tin học cho các xã, thị trấn vì đây là cấp cơ sở có nhiều tiếp xúc trực tiếp với công dân.

- Lập danh sách và đề nghị được cung cấp hộp thư điện tử cho tất cả cán bộ công chức, viên chức trên địa bàn huyện để dễ dàng thực hiện công vụ.

- Xây dựng các hệ thống qua mạng như: hệ thống báo cáo tình hình thực hiện chỉ tiêu kế hoạch KT-XH huyện qua mạng Internet; hệ thống quản lý CBCC qua mạng Internet; hệ thống đăng ký kinh doanh hộ cá thể qua mạng Internet; hệ thống quản lý đô thị qua mạng Internet; hệ thống quản lý đất đai qua mạng Internet; hệ thống tra cứu thông tin lao động và chính sách xã hội; hệ thống hỗ trợ việc khiếu nại tố cáo qua mạng...

2.3. Giải pháp tổ chức cán bộ công chức


- Kiện toàn Ban Chỉ đạo ứng dụng CNTT huyện, ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo.

- Xem xét và bố trí cán bộ phụ trách CNTT kiêm nhiệm tại các đơn vị nhằm phục vụ tốt việc ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước của huyện.

2.4. Giải pháp môi trường chính sách

- Ban hành các quy chế liên quan đến lĩnh vực ứng dụng CNTT.

- Đưa nhiệm vụ ứng dụng CNTT vào nhiệm vụ chính trị quan trọng trong từng cơ quan đơn vị của huyện; là tiêu chí đánh giá chính quyền, đơn vị vững mạnh hàng năm.

- Đề ra tiêu chí thi đua trong các cơ quan về việc ứng dụng có hiệu quả CNTT phục vụ công tác chuyên môn của từng ngành, lĩnh vực góp phần phát triển kinh tế xã hội địa phương. 

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Năm 2014

Nội dung	Tổng kinh phí
Phần mềm	83.000.000
Thiết bị	188.400.000
Đào tạo	22.000.000
Tổng cộng	293.400.000

Bảng chữ: Hai trăm chín mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng
(Kinh phí chi tiết -- có Phụ lục 2 kèm theo).

2. Năm 2015

UBND huyện sẽ cân đối, bố trí trong năm 2015.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa và Thông tin huyện

- Thực hiện quản lý nhà nước về hạ tầng thông tin, CNTT và Truyền thông trên địa bàn huyện.

- Trực tiếp tham mưu các văn bản quản lý, bảo đảm căn cứ pháp lý cho việc vận hành các ứng dụng CNTT trên địa bàn huyện.

- Tổ chức điều phối, đôn đốc thực hiện, kiểm tra về quản lý nhà nước, tham mưu tổng hợp đánh giá về kết quả ứng dụng CNTT các cơ quan đơn vị thuộc UBND huyện.

- Tổ chức giám sát, phối hợp chỉ đạo và thực hiện các dự án, các hạng mục của kế hoạch theo đúng chức năng thẩm quyền và nhiệm vụ được giao.

- Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Ứng dụng công nghệ thông tin huyện.

2. Văn phòng HĐND&UBND huyện

- Chủ trì khai thác, ứng dụng xây dựng các cơ sở dữ liệu chung phục vụ cho công tác chỉ đạo điều hành của UBND huyện;

- Chủ trì triển khai thực hiện hệ thống văn phòng điện tử tại Văn phòng HĐND và UBND huyện và các phòng, ban, ngành thuộc UBND huyện.

- Triển khai và ứng dụng các phần mềm nhằm cải cách hành chính theo cơ chế một cửa và một cửa liên thông.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch

- Cân đối ngân sách hàng năm bố trí chi cho việc phát triển và ứng dụng CNTT của huyện, đảm bảo kinh phí cho các hạng mục, dự án theo kế hoạch đã được phê duyệt.

- Tham mưu cho UBND huyện cơ chế huy động các nguồn lực đầu tư, các nguồn vốn đầu tư cho phát triển và ứng dụng CNTT của huyện.

- Chủ trì kiểm tra việc chi, thanh quyết toán ngân sách chi cho cho phát triển

và ứng dụng CNTT theo đúng quy định.

4. Phòng Kinh tế và Hạ tầng

- Hỗ trợ kỹ thuật, công nghệ và các điều kiện khác cho các cơ quan đơn vị thực hiện các hạng mục đầu tư xây dựng và nâng cấp hạ tầng kỹ thuật CNTT.

- Phối hợp triển khai một số hạng mục đầu tư trong kế hoạch theo sự chỉ đạo của lãnh đạo UBND huyện.

- Chủ trì xây dựng các đề tài khoa học, các dự án, các chương trình phần mềm, các hệ thống dữ liệu phục vụ cho công tác quản lý điều hành chỉ đạo của huyện, các hạng mục dự án CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp.

5. Các cơ quan chuyên môn khác trực thuộc UBND huyện

- Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng và triển khai các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, có kế hoạch đẩy mạnh việc ứng dụng CNTT trong cơ quan đơn vị.

- Phối hợp với Ban Biên tập Trang thông tin điện tử cung cấp thông tin, xây dựng các cơ sở dữ liệu chung cho toàn huyện.

- Phối hợp triển khai tốt những nhiệm vụ liên quan trong kế hoạch đã phê duyệt.

6. UBND các xã, thị trấn

- Phối hợp với các cơ quan đơn vị liên quan của huyện triển khai thực hiện tốt kế hoạch phê duyệt.

- Chủ trì xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT trong cơ quan UBND xã, thị trấn.

- Triển khai thực hiện việc tin học hóa trong bộ máy quản lý, có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ về kỹ năng ứng dụng CNTT ngắn hạn và dài hạn.

Trên đây là Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước huyện Tuy Phước giai đoạn 2014 – 2015, yêu cầu Thủ trưởng các phòng, ban, các cơ quan, đơn vị liên quan, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Tích Hiếu

PHỤ LỤC 1
**THỰC TRẠNG HẠ TẦNG CNTT TẠI CÁC PHÒNG CHUYÊN MÔN
 THUỘC UBND HUYỆN TUY PHƯỚC
 HUYỆN TUY PHƯỚC NĂM 2014**

(Ban hành kèm theo Quyết định số **533**/QĐ-UBND
 ngày **18** tháng 4 năm 2014 của Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước)

TT	Tên đơn vị	Tổng Số CBCC	Tổng số máy			Tổng số máy in	Tổng số máy được vào mạng	Ghi chú
			Đề bàn	Xách tay	Máy chủ			
1	Văn phòng HĐND & UBND	19	18	2	2	15	16	
2	Phòng Nội vụ	10	8	1		5	7	
3	Phòng LĐTB&XH	8	8	1		4	7	
4	Phòng Nông nghiệp-PTNT	9	7	1		4	7	
5	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	7	6			4	6	
6	Phòng Tài nguyên và MT	8	10	1		6		
7	Phòng Tài chính- Kế hoạch	9	10	1		7	11	
8	Phòng Y tế	4	2			1	2	
9	Phòng Văn hoá và Thông tin	5	3			2	3	
10	Phòng Tư pháp	5	4			3	4	
11	Phòng Giáo dục và Đào tạo	4	2	2		4	4	
12	Thanh tra huyện	6	5			4	5	
	Tổng cộng:	94	83	9	2	59	72	

PHỤ LỤC 2
KINH PHÍ CHI TIẾT THỰC HIỆN
ỨNG DỤNG CNTT TRONG HOẠT ĐỘNG CƠ QUAN NHÀ NƯỚC
HUYỆN TUY PHƯỚC NĂM 2014

(Ban hành kèm theo Quyết định số **593/QĐ-UBND**
 ngày **28** tháng 4 năm 2014 của Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước)



I. Phần mềm:

STT	Phần mềm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
Phần mềm văn phòng điện tử					
1	Người dùng	Lisence	20	3.000.000	60.000.000
2	Cài đặt máy con	Máy	20	150.000	3.000.000
Phần mềm tác nghiệp và cơ sở dữ liệu					
Quản lý cán bộ công chức		Hệ	01	20.000.000	20.000.000
Tổng cộng					83.000.000

II. Thiết bị:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Máy tính thương hiệu Việt Nam: VENR@BSU Model: G2130AD Processor G2130 (3M Cache, 3.2GHz) Mainboard: INTEL @ Chipset Intel H61 Express; LGA1155 socket; Lan: Realtek 8111E Gigabit Fast Ethernet Memory: 4GB DDR3/ Bus 1333 Harddisk :250GB SATA III, 7200rpm Casing: VENR ATX/ 550W Monitor LED 19.5" Keyboard : VENR Keyboard USB Port. Mouse :VENR Optical Scroll buton DVD Rom Drive	bộ	9	9.413.000	84.717.000
2	Switch 24 port linksys 24 port 10/100 + 4 Port Gigabit	cái	2	4.504.000	9.008.000
3	Thi công mạng LAN Thi công cáp quang từ Văn phòng HĐND&UBND đến Phòng VH TT và Trung tâm VH TT-TT (có phụ lục dự toán chi tiết kèm theo)	hệ thống	1	22.265.000	22.265.000
4	Thi công mạng LAN Thi công cáp quang từ Văn phòng HĐND&UBND đến Phòng Tài nguyên-Môi trường (có phụ lục dự toán chi tiết kèm theo)	hệ thống	1	29.210.000	29.210.000
5	Cáp mạng CAT 6E	thùng	1	2.000.000	2.000.000

(Handwritten signature)

6	Đầu cáp mạng (RJ45) (loại chống nhiễu)	hộp	1	200.000	200.000
7	Phí thâm định giá	lần	1	3.000.000	3.000.000
8	BOX TEST RJ45 Dùng để kiểm tra cáp mạng	Cái	1	200.000	200.000
9	Kèm bấm (RJ45, RJ11) Dùng để bấm dây cáp mạng	cái	1	300.000	300.000
10	Màn hình LCD 17" E170S (Dùng cho máy chủ) Kích thước 17" Độ phân giải tối đa: 1280 x 1040 Thời gian đáp ứng : 5ms Độ tương phản: 600:1	Cái	1	2.500.000	2.500.000
11	Máy quét 2 mặt Duplex HP Scanjet ENTERPRISE 7500 Quét ADF 2 mặt tự động, quét phẳng 1 mặt. Màn hình LCD 4 dòng. Công suất quét hàng ngày: 3000 trang. Tốc độ quét: 50 tờ/phút, 100 ảnh/phút. Độ phân giải: 600x600 dpi. Chiếu sáng bằng đèn LED. Khổ giấy quét phẳng tối đa: 216x356mm. Khổ giấy quét ADF tối thiểu: 5.8x5.8 inch Khổ giấy quét ADF tối đa: 216x864 mm	cái	1	35.000.000	35.000.000
Tổng cộng:					188.400.000

III. Đào tạo:

Số lượt học viên	Số lượng lớp học	Số lượng học viên	Chi phí	Số giờ học	Thành tiền
		(người/lớp)	(1 lớp)	Tiết	
Đào tạo hướng dẫn cán bộ sử dụng phần mềm văn phòng điện tử					
60	3	20	6.000.000	30	18.000.000
Đào tạo quản trị và phát triển hệ thống, quản trị phần mềm văn phòng điện tử					
2	1	2	4.000.000	120	4.000.000
TỔNG CỘNG					22.000.000

TỔNG CỘNG (I) +(II) = (III)

83.000.000 + 188.400.000 + 22.000.000 = 293.400.000 đồng



PHỤ LỤC THI CÔNG MẠNG LAN

Công trình : **Thi công mạng LAN từ Văn phòng HĐND&UBND đến Phòng VH TT và Trung tâm VH TT-TT huyện**
(Bản chính kèm theo Quyết định số 593/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2014)

Số TT	Mã hiệu	Hạng mục vật tư, công việc	Đơn vị	Khối lượng	ĐƠN GIÁ				THÀNH TIỀN			
					VL chính	VL phụ	Nhân công	Máy TC	VL chính	VL phụ	NC	Máy TC
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I	Cáp Quang											
1	35.090120.10	Ra, kéo, căng hãm cáp quang treo, loại cáp <=8FO	km	0,40	5.850.000	34.500	2.268.326		2.340.000	13.800	907.330	
2	35.130220.10	Hàn nối ODF cáp quang, loại ODF <=8FO	bộ	3,00	546.000	8.751	818.871		1.638.000	26.253	2.456.613	
3	TT	Lắp đặt, đấu nối và đo kiểm tra thông tuyến	thuê bao	4,00	1.274.000	195.000	225.000		5.096.000	780.000	900.000	
II	Cáp đồng UTP											
	01.02.03.01	Ra, kéo cáp Cat 6e	met	140,00	16.000	800	5.851		2.240.000	112.000	819.140	
	01.02.10.00	Bấm đầu RJ 45	cái	4,00	10.000	500	3.473		40.000	2.000	13.892	
	TT	Kéo ống nhựa	met	35,00	18.000	5.000	15.000		630.000	175.000	525.000	
	TT	Đào rãnh	met	35,00	10.000	1.600	32.000		350.000	56.000	1.120.000	
		Tổng cộng							12.334.000	1.165.053	6.741.975	

Vật liệu chính + phụ 13.499.053

Chi phí nhân công 6.741.975

Chi phí máy thi công 0

Giá trị xây lắp trước thuế 20.241.028

Thuế VAT 10% 2.024.103

Giá trị xây lắp sau thuế 22.265.131

Làm tròn 22.265.000

Bằng chữ: Hai mươi hai triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng